

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TTC2+TTC3	7:25	11+6+5	0+0+0		9+6+6	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TTC2-TTC3
2		TD5+AMD	7:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
3		CNV+P8+TTC1	7:25	2+20+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
4		TD3+AMD	9:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
5		P6+CLO+RP3	9:25	10+1+11	0+0+0		6+1+15	0+0+0	
6		P1+CTK3+VSP01	9:25	7+4+11	0+0+0		1+8+13	0+0+0	
7		AMD+TTC1+P6	9:25	9+5+8	0+0+0		8+5+9	0+0+0	
8		VSP01+BK16	11:25	21+0	0+0		19+2	0+0	
9		RC4+RP1+P6	11:25	11+6+5	0+0+0		0+8+13	0+0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/11/2018	TO: P8 - TTC2 - TTC3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - THỤ	ETA: 09:15
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KỲ	P8	84-85	2	13	15	67	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HỒNG	P8	89	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN KIM CUÔNG	P8	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HOA	P8	51-52	2	11		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	82	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO TIỀN ĐẠT	P8	71-73	3	20		76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHÙNG HÀ TÀI	P8	75	1	6		102	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM PHƯƠNG NAM	P8	86-87	2	10		52	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ANH TRI	P8	83	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P8					67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	18	1	2	50	76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC2	09	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ PHƯƠNG	TTC2	24-25	2	8		52	KH-THAC	Vietnamese
15	LÝ THANH CHUÔNG	TTC2	21	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU VĂN AN	TTC2	26-27	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU QUÝ TRUNG	TTC2	23	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	86-87	2	6	35	64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BÁC	TTC3	33	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC3	34	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TÂN	TTC3	40	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC3	35-36	2	8		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

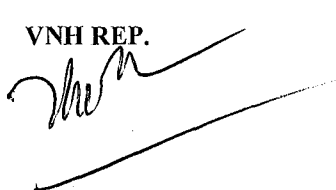
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	11	15	86	779	15	9		CHUYEN 2 PAX TU TTC2 SANG TTC3
2	TTC2	6	8	44	384	50	642		
3	TTC3	5	7	28	319	35	6		
TOTAL		22	30	158	1.482	100	21		
WEIGHT KG				158	1.482	100			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

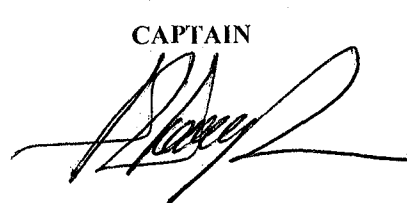
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/11/2018	TO: TD5 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Toan	ETA: 09:20
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH THU	TD5	06	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
2	VO SI HOAI THANH	TD5	04	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TAM	TD5	05	1	7		67	YTE	Vietnamese
4	PHAN HOANG LAM	TD5	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH HOANG KHANH	TD5	11-12	2	7		82	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN HOANH VU	TD5	13	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NGA	TD5	10	1	3	8	58	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TUAN	TD5	08	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DUY KIEN	TD5	09	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH CONG	TD5	01	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TAT THANH	TD5	07	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM THANH BINH	TD5	02	1	10		86	ANTOAN	Vietnamese
13	LE PHU PHUC	TD5	14	1	5		80	DVL	Vietnamese
14	TRINH BICH NGOC	AMD	29-30	2	12		70	TLJOC	Vietnamese
15	DAO VAN THAO	AMD	35	1	12		70	HLJOC	Vietnamese
16	NGUYEN DUY LAM	AMD	36	1	10		65	HLJOC	Vietnamese
17	HOANG VAN SAU	AMD	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM TUAN HA	AMD	34	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM NGOC THACH	AMD	39	1	8	80	56	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	31-32	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
21	LE ANH MINH	AMD	33	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MANH HUNG	AMD	37-38	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

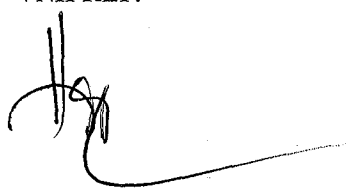
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	13	14	70	917	8	13		
2	AMD	9	12	87	620	80	9		
TOTAL		22	26	157	1.537	88	22		
WEIGHT KG				157	1.537	88			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

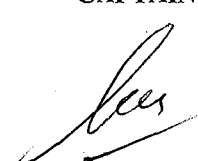
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2018	TO: CNV - P8 - TTC1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LHai - ĐỨC - thông	ETA: 09:30
Vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH XUÂN TOÀN	CNV	51-52	2	12	40	62	T-TIN	Vietnamese
2	LÊ NHƯ HIỀN	CNV	53-55	3	17		56	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TANH	P8	68	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI QUÂN	P8	60	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THAI DƯƠNG	P8	55	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH NAM	P8	57	1	5	20	74	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG TRI NAM	P8					79	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8	69	1	3		87	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HUY	P8	52-53	2	7		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VINH DUNG	P8	70	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	63	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	54	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA HOÀNG	P8					63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN MINH	P8	56	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MINH	P8	64	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HUY KHANH	P8	73-74	2	10		55	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI TRỌNG HỘI	P8	61-62	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ HUY CHUÔNG	P8	65-66	2	7		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	P8	71-72	2	8		65	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	P8	67	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P8	51	1	20		72	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC HÒA	P8	58-59	2	8		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	2	5	29	118	40	0		
2	P8	20	24	142	1.337	20	19		
3	TTC1	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		22	29	171	1.455	80	22		
WEIGHT KG				171	1.455	80			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2018	TO: TD3 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LBinh - QViệt - MQUÂN	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THĂNG	TD3					85	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	76	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM THANH DUNG	TD3	80	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG HUY LONG	TD3	74	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3				70	62	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ TU HỢP	TD3	73	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	PHÙNG VĂN XUYỀN	TD3	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	71	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD3	77	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TIẾN LỰC	TD3	72	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	78	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD3	70	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3	75	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ HOÀNG	TD3	69	1	5		64	NHA THAU	Vietnamese
15	PHẠM VĂN Y	TD3	81	1	5		75	DVL	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUANG	AMD	49	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO CÔNG BÌNH	AMD	53	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC CUÔNG	AMD	50	1	7	10	65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÌNH TRƯỞNG PHI	AMD	54	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÀ NGỌC MẠNH (PVDI)	AMD	47-48	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC QUAN	AMD	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LƯU QUÝ ĐON	AMD	51-52	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	15	13	75	1.040	70	14		
2	AMD	7	9	46	480	10	8		
TOTAL		22	22	121	1.520	80	22		
WEIGHT KG				121	1.520	80			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/11/2018	TO: P6 - CLO - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - THỤ	ETA: 11:25
VANG-2			

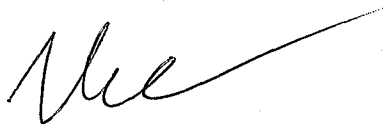
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VINH QUANG	P6	12	1	5		70	YTE	Vietnamese
2	PIATOV C.V	P6	20	1	12		98	KH-THAC	Russian
3	KIRICHENKO S.P	P6	15	1	5		75	KH-THAC	Russian
4	VŨ VĂN HOÀN	P6	16	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI TRỌNG BÌNH	P6	18	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG THỌ TAM	P6	19	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	13-14	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NHAN	P6					67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NHẬT THANH	P6	17	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ DUY ĐÔNG	P6				25	94	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG CÔNG THỊNH	CLO	16	1	10	20	86	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	900	1	4		66	PSV	Vietnamese
13	HỒ NGỌC THANH	RP3	98	1	5	60	58	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VY	RP3	96	1	5		67	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	97	1	3		70	PSV	Vietnamese
16	TRẦN THANH HAI	RP3	898	1	3		58	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	900	1	3		53	PSV	Vietnamese
18	MAI VĂN HUNG	RP3	899	1	5		57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HIẾU	RP3	99	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	BUI ĐỨC ANH	RP3	94	1	7		70	PSV	Vietnamese
21	NHÂM ĐÌNH QUY	RP3	95	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	PHẠM HỮU ANH	RP3	89	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	10	9	65	765	25	6		
2	CLO	1	1	10	86	20	1		
3	RP3	11	11	50	681	60	15		
TOTAL		22	21	125	1.532	105	22		
WEIGHT KG				125	1.532	105			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2018	TO: P1 - CTK3 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Toan	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO ĐAC DAN	P1	60-61	2	17	25	66	CODIEN	Vietnamese
2	VU TRONG NGHIA	P1	58-59	2	10	8	67	CODIEN	Vietnamese
3	LE BAT THUONG	P1	62	1	10		77	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC HUNG	P1	63-64	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN ANH TIEN	P1	67	1	8	17	62	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN QUOC THINH	P1	66	1	8	15	56	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VIET LOC	P1	69-70	2	16		57	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM DAI PHONG	CTK3	09-10	2	8		65	YTE	Vietnamese
9	MOHD IRWANIZA B.A BAKAR	CTK3	04-05	2	16	35	95	KH-THAC	Malaysian
10	VU ANH MINH	CTK3	06-07	2	15	11	65	T-TIN	Vietnamese
11	DANG THANH HOANG	CTK3	11	1	5		75	SANBAY	Vietnamese
12	ROMANOV	VSP01	96	1	5		112	KH-THAC	Russian
13	TRUBOCHKIN	VSP01	48,90	2	11		82	KH-THAC	Russian
14	NGUYEN NGO HOAN	VSP01	43-44	2	19		69	YTE	Vietnamese
15	LE VAN LINH	VSP01	94-95	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN DUC	VSP01	46	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VAN SON	VSP01	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN CHAU	VSP01	45	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	93	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	ANATOLIY BORVYNSKY	VSP01	47	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN VAN TRUONG	VSP01	97	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
22	HUYNH HAI	VSP01	91	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	11	81	445	65	1		
2	CTK3	4	7	44	300	46	8		
3	VSP01	11	14	77	828	0	13		
TOTAL		22	32	202	1.573	111	22		
WEIGHT KG				202	1.573	111			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/11/2018	TO: AMD - TTC1 - P6	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LHai - ĐỨC - thông	ETA: 11:40
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THUY (PVD)	AMD	63	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN TÚ	AMD	62	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH CÚ	AMD	59-60	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	57-58	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VIỆT THẮNG	AMD	68-69	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN ANH	AMD	64-65	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU ĐỨC CHI	AMD	56	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	66-67	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	61	1	12		69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG HIỆU	TTC1	32	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN LINH HOẠT	TTC1	30	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN SƠN TÙNG	TTC1	33	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI MẠNH CUÔNG	TTC1	31	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1				20	73	GETRACO	Vietnamese
15	ĐO VĂN TÙNG	P6					60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	P6	59	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC AN	P6	60	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN CUÔNG	P6	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HUY THÁI	P6	64-65	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN BAO TOÀN	P6	66	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG MINH	P6					76	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ QUANG HUY	P6	62-63	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	14	99	617	0	8		
2	TTC1	5	4	19	355	20	5		
3	P6	8	8	58	550	0	9		
TOTAL		22	26	176	1.522	20	22		
WEIGHT KG				176	1.522	20			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/11/2018	TO: VSP01 - BK16	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LBinh - QViệt - MQUÂN	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THUY	VSP01	84	1			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HUU TOAN	VSP01	22	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	27-28	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ HÙNG DUNG	VSP01	40-41	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	VO QUANG HUY	VSP01	36-37	2	17		60	KH-THAC	Russian
7	LÊ THANH TUÂN	VSP01	21	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ SỸ KHÔI	VSP01					85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	29	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THANH	VSP01	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG PHUC LUONG	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN THANH HA	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH TUÂN	VSP01	23	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUY	VSP01	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH TÂN DUNG	VSP01	30-31	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
16	GIA QUANG CUONG	VSP01	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	32	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH LỢI	VSP01	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH TIEN BINH	VSP01	26	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ QUỐC THỊNH	VSP01	33	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
21	ARTYUSHIN	VSP01	35	1	15		89	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	21	129	1.471	0	19		
2	BK16	0	0	0	0	65	2		
TOTAL		21	21	129	1.471	65	21		
WEIGHT KG				129	1.471	65			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/11/2018	TO: RC4 - RP1 - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHOÀN - THU	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THÂN VĂN KIẾN	RC4	87	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT HÙNG	RC4	24-25	2	20	35	70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN PHI HÙNG	RC4	99	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN ĐÀU	RC4	36-37	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN VƯỢNG	RC4	81	1	11		77	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VĂN CUÔNG	RC4	699,700	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUẤN	RC4	22-23	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HÙNG	RC4	28	1	15		53	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM KIẾN TRÚC	RC4	29	1	19		73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	RC4	36-37	2	12	20	63	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ HUY	RC4	30-31	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	38	1	4		83	PSV	Vietnamese
13	DƯƠNG TRUNG KIẾN	RP1	40-41	2	5	45	62	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TÔNG	RP1	42	1	8		63	PSV	Vietnamese
15	HOANG NGỌC TOÀN	RP1	39	1	2		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG MINH	RP1	43	1	6		83	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THỂ VĂN	RP1	44	1	10		65	PSV	Vietnamese
18	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	68	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TIẾN DUNG	P6	69	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THƯỜNG	P6	71	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN KHANH	P6	70	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	67	1	3		83	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	11	17	160	736	55	0		
2	RP1	6	7	35	421	45	8		
3	P6	5	5	17	372	0	13		
TOTAL		22	29	212	1.529	100	21		
WEIGHT KG				212	1.529	100			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

